

THỜI KHÓA BIỂU TKB SỐ 1-HKI-2026-2027 NĂM HỌC 2026-2027 ÁP DỤNG NGÀY 05-09-2026

KHỐI 11

Thứ	Buổi	Tiết	11A1	11A2	11A3	11A4	11A5	11A6	11A7	11A8	11A9
2	S	1	Toán-Việt	Tin học-Nga	Vật lí-Bình	Hóa học-Vương	GDDP-Tuyệt	Tiếng Anh-Tiến	Lịch Sử-Lựa	CĐ Ngữ văn-Xuất	Tiếng Anh-Hạnh
		2	Tiếng Anh-Hạnh	GDDP-Cường	Hóa học-Hùng	Hóa học-Vương	Ngữ văn-Hào	Ngữ văn-Xuất	GDDP-Tuyệt	GDDP-Nga	CĐ Toán-Việt
		3	GDDP-Cường	Vật lí-Thảo	CĐ Toán-Phương (Toán)	Tiếng Anh-Thủy	Tin học-Hằng	CĐ Vật lí-Hà (Lí)	Ngữ văn-Hào	Tin học-Nga	Toán-Việt
		4	CĐ Toán-Việt	HĐTN-HN-Thảo (Lý)	GDDP-Hùng	Ngữ văn-Tim	Tiếng Anh-Thủy	GDDP-Xuất	Tiếng Anh-Tiến	HĐTN-HN-Nga	Ngữ văn-Hào
3	S	1	HĐTN-HN-Ngân	CĐ Toán-Phương (Toán)	GDKTPL-Tuyệt	Vật lí-Bình	Tiếng Anh-Thủy	GDQP-AN-Thường	Toán-Thanh	Địa Lí-Giang (Địa)	GDTC-Tuyên
		2	Hóa học-Hùng	GDTC-Ngà	GDQP-AN-Thường	CĐ Toán-Phương (Toán)	GDTC-Tuyên	GDKTPL-Tuyệt	CĐ Toán-Thanh	GDKTPL-Hoan	Ngữ văn-Hào
		3	GDTC-Ngà	CĐ Vật lí-Thảo	Địa Lí-Giang (Địa)	GDTC-Tuyên	GDQP-AN-Thường	Tiếng Anh-Tiến	GDKTPL-Hoan	Toán-Phương (Toán)	Lịch Sử-Ngoan
		4	GDTC-Ngà	Sinh học-Cường	Tiếng Anh-Thủy	Địa Lí-Giang (Địa)	CĐ Ngữ văn-Hào	Tiếng Anh-Tiến	HĐTN-HN-Hà (Sinh)	GDTC-Tuyên	Tiếng Anh-Hạnh
		5	Tiếng Anh-Hạnh	Sinh học-Cường	Tiếng Anh-Thủy	Vật lí-Bình	Ngữ văn-Hào	GDTC-Tuyên	Vật lí-Hà (Lí)	Tiếng Anh-Tiến	GDQP-AN-Thường
4	S	1	Sinh học-Cường	Tiếng Anh-Tiến	CĐ Ngữ văn-Xuất	CĐ Ngữ văn-Tim	Hóa học-Vương	GDTC-Tuyên	Toán-Thanh	GDKTPL-Hoan	Tin học-Hằng
		2	Tin học-Nga	Tiếng Anh-Tiến	Ngữ văn-Xuất	HĐTN-HN-Bình	GDKTPL-Tuyệt	Hóa học-Vương	Hóa học-Hùng	CĐ Toán-Phương (Toán)	Toán-Việt
		3	Tiếng Anh-Hạnh	Toán-Việt	Tiếng Anh-Thủy	GDDP-Nga	Toán-Thanh	Hóa học-Vương	Hóa học-Hùng	Lịch Sử-Ngoan	GDTC-Tuyên
		4	Tin học-Nga	Toán-Việt	Hóa học-Hùng	Tiếng Anh-Thủy	Toán-Thanh	Ngữ văn-Xuất	GDKTPL-Hoan	GDTC-Tuyên	CĐ Lịch sử-Ngoan
5	S	1	CĐ Vật lí-Ngân	Lịch Sử-Lựa	Ngữ văn-Xuất	CĐ Vật lí-Bình	CĐ Toán-Thanh	HĐTN-HN-Tuyên	Địa Lí-Hiện	Toán-Phương (Toán)	CNCK-Giang
		2	Vật lí-Ngân	Toán-Việt	GDKTPL-Tuyệt	Địa Lí-Giang (Địa)	Toán-Thanh	Vật lí-Hà (Lí)	GDTC-Tuyên	Toán-Phương (Toán)	GDDP-Xuất
		3	Hóa học-Hùng	CĐ Hóa học-Vương	Toán-Việt	HĐTN-HN-Bình	Lịch Sử-Ngoan	Địa Lí-Hiện	GDTC-Tuyên	Tiếng Anh-Tiến	Địa Lí-Giang (Địa)
		4	Toán-Việt	Tiếng Anh-Tiến	HĐTN-HN-Tuyên	Lịch Sử-Ngoan	Vật lí-Ngân	CĐ Ngữ văn-Xuất	Vật lí-Hà (Lí)	CNCK-Giang	HĐTN-HN-Hà (Sinh)
		5	Ngữ văn-Xuất	GDTC-Ngà	GDTC-Tuyên	Tin học-Hằng	HĐTN-HN-Ngân	GDKTPL-Tuyệt	CĐ Vật lí-Hà (Lí)	Tiếng Anh-Tiến	CNCK-Giang
6	S	1	Toán-Việt	Ngữ văn-Tim	HĐTN-HN-Tuyên	Toán-Phương (Toán)	Hóa học-Vương	Toán-Thanh	Tiếng Anh-Tiến	CNCK-Giang	Tin học-Hằng
		2	HĐTN-HN-Ngân	Hóa học-Vương	GDTC-Tuyên	Toán-Phương (Toán)	GDKTPL-Tuyệt	CĐ Toán-Thanh	Tiếng Anh-Tiến	GDQP-AN-Thường	Toán-Việt
		3	GDQP-AN-Thường	Hóa học-Vương	Toán-Việt	Tin học-Hằng	Vật lí-Ngân	HĐTN-HN-Tuyên	HĐTN-HN-Hà (Sinh)	HĐTN-HN-Nga	CĐ Ngữ văn-Hào
		4	Lịch Sử-Lựa	GDQP-AN-Thường	Toán-Việt	Ngữ văn-Tim	GDTC-Tuyên	Địa Lí-Hiện	Ngữ văn-Hào	Tin học-Nga	GDKTPL-Hoan
		5	Vật lí-Ngân	Tin học-Nga	Lịch Sử-Hiện	GDTC-Tuyên	Ngữ văn-Hào	Vật lí-Hà (Lí)	Địa Lí-Hiện	Ngữ văn-Vương	GDKTPL-Hoan
7	S	1	Ngữ văn-Xuất	Vật lí-Thảo	CĐ Vật lí-Bình	Tiếng Anh-Thủy	Tin học-Hằng	Toán-Thanh	GDQP-AN-Thường	Địa Lí-Giang (Địa)	Tiếng Anh-Hạnh
		2	Ngữ văn-Xuất	Ngữ văn-Tim	Vật lí-Bình	GDQP-AN-Thường	Tiếng Anh-Thủy	Toán-Thanh	Ngữ văn-Hào	CĐ Lịch sử-Ngoan	Địa Lí-Giang (Địa)
		3	CĐ Hóa học-Hùng	Ngữ văn-Tim	Địa Lí-Giang (Địa)	Toán-Phương (Toán)	HĐTN-HN-Ngân	Ngữ văn-Xuất	CĐ Ngữ văn-Hào	Ngữ văn-Vương	HĐTN-HN-Hà (Sinh)
		4	Sinh học-Cường	HĐTN-HN-Thảo (Lý)	Ngữ văn-Xuất	Ngữ văn-Tim	CĐ Vật lí-Ngân	Lịch Sử-Ngoan	Toán-Thanh	Ngữ văn-Vương	Ngữ văn-Hào